

THÀNH HOÀNG LÀNG VIỆT VÙNG HUẾ VÀ TRƯỜNG HỢP THANH PHƯỚC

(Thanh Hoang (Tutelary God) of Vietnamese village in Hue
and the Thanh Phuoc village case)^(*)

1. Vấn đề nghiên cứu

Thành hoàng không chỉ là một vị thần, mà là cả một tín ngưỡng đặc trưng, trở thành vấn đề mấu chốt trong việc nghiên cứu làng xã người Việt vùng châu thổ Bắc bộ trên mọi phương diện. Diện mạo Thành hoàng được thể hiện ngày càng rõ nét từ hai phía: làng xã và nhà nước phong kiến, gắn liền với quá trình kiến tạo toàn bộ máy quân chủ trung ương tập quyền, khẳng định ý thức quốc gia... Do vậy, “lý lịch” của Thành hoàng có thể do làng xã tự đặt ra, hoặc bởi triều đình áp đặt, bao gồm chủ yếu là các vị bước ra từ thời huyền sử Hùng Vương, cho đến buổi ban sơ của lịch sử đất Việt, có liên quan đến Hai Bà Trưng, và sau này là những nhân vật lịch sử gắn liền các triều đại Ngô, Đinh, Lý, Trần...

Tuy nhiên, vấn đề đã trở nên có nhiều nét dị biệt, xét trên diễn trình đi về phương Nam của người Việt, đặc biệt là ở vùng Huế, với những dấu ấn sâu đậm của khát vọng cải tổ, đổi khác nhưng không quên nguồn cội Bắc Hà của cả một thời kỳ mở cõi, rồi đến thời Đàng Trong. Trong bối cảnh một vùng đất mới, cuộc mưu sinh buộc những lớp tân dân phải dung hòa một cách hợp lý, hữu hiệu những hành trang mang theo từ cố hương với việc đối diện thực tế đầy lạ lẫm trước mắt. Quá trình đó, chúng tôi phân định thành những cái “của NGƯỜI” và “của TA”, giảng co ảnh hưởng qua lại suốt một thời kỳ dài để rồi cuối cùng, mới từng bước khẳng định, tôn vinh cái “của TA” với thái độ “kính nhi viễn chi” trước những di sản “của NGƯỜI”.

Thông thường thì trong đời sống làng xã người Việt vùng Huế, dấu ấn của tín ngưỡng Thành hoàng khá mờ nhạt trong tương

^(*) ThS. Trần Đình Hằng, Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế (Researcher, Vietnam Sub-Institute for Culture and Art in Hue).

quan đời sống tín ngưỡng chung của cộng đồng. Điều đó rất dễ nhận ra, từ danh mục các đối tượng thờ cúng của làng xã trong văn tế, hệ thống trụ sở của các vị thần linh... tất cả đều thể hiện một cách rõ nét qua phong tục tập quán, đời sống lễ nghi của cộng đồng làng xã.¹

¹ Có thể thấy rõ điều đó qua danh mục thần linh được thờ tại làng biển An Bằng (Phủ Vang), theo một văn bản thời Minh Mạng. Ở đây, điểm đặc biệt chính là nguồn gốc bác tạp, rất phong phú, bao gồm cả các thiên thần, nhiên thần và nhân thần, ảnh hưởng từ miền Bắc, dấu ấn biển, văn hóa bản địa và có phần mơ hồ, như cách nói của Nguyễn Tử Chi. Hệ thống thần linh đó bao gồm:

- Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Thánh Nương Vương, gia tặg Hàm Hoằng Quang Đại Chí Đức Thượng đẳng thần.
- Phi Vận Tướng quân Tùng Giang Văn Trung tôn thần, gia tặg Hiền Văn Chiêu Tiết Trung đẳng thần.
- Cao Các Quảng Độ Đại vương, gia tặg Hồng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Thượng đẳng thần.
- Tứ Dương Linh Trạc tôn thần.
- Xích Lân Long Mã tôn thần.
- Đông Nam Sát Hải Lang Thác Nhị Đại tướng quân, gia tặg Dũng Cảm chi thần.
- Hoàng Sát Hải Tô Đại Liêu Lãn Quân Tô Hồ đại tướng.
- Tả Khám Lý Hữu Ký Lược tôn thần.
- Tứ Đầu Đà Khâm Tam vị đàn nương.
- Mai Cương Ký Phủ tôn thần.
- Khổng Lộ Giác Hải tôn thần.
- Trà Phi Quận Phu nhân (vợ của Trương Trà, tướng của Nguyễn Hoàng).
- Bốn Cảnh Thành hoàng Linh Ứng tôn thần, gia tặg Quảng Hậu tôn thần.
- Chúa Dàng Phu nhân chi thần, gia tặg Hoằng Hậu Phổ Tế Trung đẳng thần.
- Thiên Y A Na Diễn Chúa Ngọc Thánh phi chi thần, gia tặg Hồng Nhân Phổ Tế Linh Cảm Thượng đẳng thần.
- Thổ Đức Thánh phi chi thần, gia tặg Hoằng đại Hậu Khánh Trung đẳng thần.
- Hòa Đức Thánh phi chi thần, gia tặg Ôn Hậu Quang Ứng Trung đẳng thần.
- Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn thần, gia tặg Từ Tế tôn thần.
- Bốn thổ Khai khẩn Trương Quý Công, Nguyễn Quý Công, Trần Quý Công.

Bổ sung:

- Chúa Tiên Thánh phi chi thần, gia tặg Diệu Phu Phổ Độ Trung đẳng thần.
- Bốn thổ Hòa Thần, gia tặg (...) Hiền Ứng Trung đẳng thần.
- Giang Hoa Công chúa chi thần, gia tặg Linh Sáng chi thần.
- Long Cung Quảng Vận chi thần, gia tặg (...).
- Thủy Cung Quảng Vận Phu nhân chi thần, gia tặg (...).
- Thái Giám Bạch Mã chi thần, gia tặg Lợi Vật.
- Hòa Phong Thần Nữ chi thần, gia tặg Chương Năng.
- Thổ Địa Long Thần, gia tặg Hậu Tế.
- Bốn cảnh Thành hoàng Phúc Đức chính thần, gia tặg Phổ Độ.
- Thủy Long Thánh phi chi thần, gia tặg Linh Diệu Hiền Ứng.

Di sản “của NGƯỜI”, nói một cách đơn giản, có thể hiểu là của các cộng đồng phi Việt. Trên vùng đất mới đây lạ lẫm, di sản phi Việt đương nhiên là đầy khắp. Thành hoàng là những vị thần cụ thể bảo trợ cho mỗi vùng đất, với vóc dáng và tầm ảnh hưởng cụ thể, thì đương nhiên, người di cư không thể mang theo đến vùng đất mới, nơi mà hơn ai hết, họ hiểu rằng *đã có chủ*. Khái niệm *Thành hoàng bốn thổ* ra đời một cách phổ biến là vì vậy, để chỉ *vị thần cụ thể bảo trợ cho chính từng vùng đất cụ thể*. Cố công tìm hiểu để phác họa nguồn gốc, hình ảnh của vị Thành hoàng bốn thổ/xứ/xã, trong bối cảnh này, là hoàn toàn không cần thiết.²

Cụ thể hóa các đối tượng thờ tự để từng bước ổn định đời sống nhân tâm là cả một quá trình dài của cộng đồng cư dân Việt trên vùng đất mới. Hình ảnh các vị Thành hoàng mơ hồ, đầy tính phiếm xưng thể hiện thái độ kính-sợ với di sản văn hóa bản địa tiền Việt, nhưng đó cũng chính là phong nền để làm nổi rõ, tôn vinh giá trị Việt: hình ảnh và tín ngưỡng Khai canh Khai khẩn, gắn liền với vai trò của các dòng họ. Quá trình cụ thể hóa đó đã có bước ngoặt lịch sử từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, khi một số làng xã chính thức nâng cấp vị Khai canh trở thành Thành hoàng của làng thông qua sắc phong của triều đình Nguyễn.

Ở đây, chúng tôi sẽ góp phần phác họa nên diễn trình lịch sử đó khi xem xét vị thần Thành hoàng cùng với vị Khai canh làng Thanh Phước trong bối cảnh lịch sử - văn hóa chung của làng xã vùng Huế.

2. Thành hoàng làng Thanh Phước là ai?

Do chưa kiểm soát hết di sản Hán Nôm đồ sộ của làng Thanh Phước nên chúng tôi chỉ trình bày vấn đề trong khuôn khổ những

- Phụ Quốc Thượng Tế chi thần, gia tặng Bồ Xuyết Phương Dân Trung đẳng thần.
- Nam Hải Long Vương chi thần, gia tặng Chiêu Minh Huệ Tế Viêm Phương Thượng đẳng thần.

(Lê Nguyễn Lưu, *Văn hóa Huế xưa* (3 tập: Tập I. *Đời sống gia tộc*; Tập II. *Đời sống làng xã*; Tập III. *Đời sống cung đình*), Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, II, 431-432).

² Trần Đình Hằng, “Của Người, của Ta: Thần điện làng Việt miền Trung”, tham luận tại Hội thảo *Văn hóa nghệ thuật miền Trung: 10 năm tiếp cận*, Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Huế, 7/2009.

tư liệu mà chúng tôi đã tiếp cận được, để từng bước góp phần phác thảo nên diện mạo của vị Thành hoàng làng Thanh Phước.

Xuất phát điểm của chúng tôi là tước vị của một vị Thành hoàng là nhân thần, và cũng chính là vị Khai canh của làng, theo kết quả nghiên cứu từ công trình *Lịch sử làng Thanh Phước*: Bôn thổ Thành hoàng Quốc vương Đặc tấn Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Đô chỉ huy sứ Niêm Long hầu.³ Trong trường hợp này, rõ ràng Thành hoàng làng Thanh Phước chính là kết quả sau cùng của quá trình tích hợp, nâng cấp từ vị Khai canh Niêm Long hầu trở thành Thành hoàng làng. Nếu điều đó xảy ra, sẽ dẫn đến hai khả năng: làng tồn tại đồng thời hai vị Thành hoàng là *Bôn thổ Thành hoàng* thuần túy và vị *Bôn thổ Thành hoàng Quốc vương... Niêm Long hầu*, như trường hợp làng Thế Lại mà phần sau, chúng tôi sẽ đề cập.

Tuy nhiên, cũng cần phải kể đến hai văn bản quan trọng nữa là sắc phong và văn tế của làng, bởi từ đây, cũng cung cấp thêm nhiều thông tin tối cần thiết.

Bản sắc phong Thành hoàng thời Thiệu Trị có nội dung như sau:

Sắc: Hồng Phúc xã, Bảo an Chánh trực Thành hoàng chi thần, hộ quốc tỳ dân, nhằm trừ linh ứng, tứ kim phi ung cảnh mệnh miễn niệm thần hư, khả gia tặng Bảo An Chánh trực Hựu Thiện chi thần, nhưng chuẩn Hương Trà huyện, Hồng Phúc xã, y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu, bảo ngã lê dân, khâm tai.

Thiệu Trị ngũ niên, thập nguyệt, nhị thập lục nhật (Ngày 26 tháng 10 năm Thiệu Trị thứ 5).⁴

Như vậy, rõ ràng ở đây, Thành hoàng làng Thanh Phước là một dạng thổ thần - vị thần bôn thổ, tương tự như hiện tượng phổ biến ở nhiều làng xã vùng Huế, có mang thêm một số mỹ tự theo điển chế của triều đình sau mỗi lần gia tặng, ban cấp: Bảo An Chánh Trực Hựu Thiện Thành hoàng chi thần.

³ Đỗ Bang et al, "Lịch sử Thanh Phước, Huế", Bản thảo tập khảo cứu lịch sử - văn hóa làng Thanh Phước, 1990, bản đánh máy vi tính, 84 trang.

⁴ Tài liệu thu thập của Giáo sư Michio Suenari, bản dịch của Lê Đình Hùng (Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế). Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

Trong bài vị và chúc văn hiện lưu giữ tại chùa làng Thanh Phước, có thể thấy được vị trí của vị Thành hoàng bản thổ trong tương quan các vị thần linh được làng thờ tự. Bài vị các vị Khai canh ghi rõ *Khai canh Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Đô chỉ huy sứ Niêm Long hầu Phan Niêm. Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Kinh lược sứ Đô chỉ huy Lãng Triệt hầu Phan Lãng*. Cũng từ bài vị và chúc văn, có thể thấy được hệ thống thần linh được thờ tự tại làng, bao gồm:

Nữ thần: Tiên Nhân tại (?) xứ linh ứng chi thần, Ly Cung Điện nội Hòa Đức Tiên nương, Thủy Tiên Điện Nội Thủy Long Thân nữ Tiên nương chi thần, Thiên Ya Na Diễn Phi Chúa Ngọc Tiên nương chi thần, Kỳ Thạch Trinh Thục gia tặng Kiên Giới Phu nhân chi thần, Thiên Tiên Công Chúa Hồng Nương Tiên nữ Vân Đình chi thần, Trung Quân Điện Nội Thổ Đức Tiên nương, Hoàng Hòa Lôi Phong Thủy Tiên Hồ Ly cứu vĩ Tiên nương chi thần.

Nam thần: Cai Tri Tham Tướng Lục Tấn Bảo Phạm Hữu Mô chi thần, Linh Tri Thủy Ty Chân Tể, Thần Thạch Trấn bản xứ chi thần, Thần Nông Hoàng Đế Bách Cốc Tổ chi Thần Quân, Bản Thổ Thành Hoàng Quốc Cừu Thiên Chính tôn thần, Bản Thổ Xích Lân Long Mã Thọ Quốc Công tôn thần, Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn thần, Tứ Nội hiển Linh Ứng chi thần, Ngân Thanh Đại Phu Thủ Hợp Đức Tài tử Phan Quốc Thế chi thần.⁵

Nội kết những thông tin ở trên, có thể khẳng định rằng muộn lắm cũng cho đến thời Thiệu Trị, vị Thành hoàng của làng Thanh Phước vẫn là *Bảo An Chánh Trực Hựu Thiệu Thành hoàng chi thần*.

⁵ A)女神: 1. 僊人在柳処靈応之神、2. 離宮殿内火徳僊娘、3. 水僊殿内水龍神女娘之神、4. 天依阿那演妃主玉僊娘之神、5. 奇石貞淑加贈堅介夫人之神、6. 天僊公主紅娘僊女雲庭之神、7. 中官殿内土徳僊娘、8. 黄火雷風水僊狐狸九尾僊娘之神
B)男神: 1. 該知参将禄進保満有護之神2. 靈池水司真宰神石鎮本処之神、3. 神農皇帝百穀祖之神君、4. 本土城隍國舅天正尊神、5. 本土赤鱗龍馬援國公尊神、6. 南海巨族玉鱗尊神、7. 四内顯靈応之神、8. 銀青大夫首合徳才子潘國勢之神。
(Michio Suenari, “Buddhism at the grassroots level in the middle Vietnam: from a field research in T.T.Hue”, tham luận tại Hội thảo *Văn hóa nghệ thuật miền Trung: 10 năm tiếp cận*, Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Huế, 7/2009.

Tuy nhiên, danh xưng Thành hoàng hiện nay được ghi nhận qua văn tế lại là *Bốn thổ Thành hoàng Quốc Cữu Thiên Chính tôn thần*. Có lẽ chính từ hai chữ Quốc cữu này, chắc chắn là một nhân thần, lại có nét phù hợp với hành trạng của ngài Khai canh Niêm Long hầu nên có thể đó là căn cứ cho nhận xét: “*Là một công thần nhà Lê, có quan hệ bên ngoài của nhà vua, lại có công lập làng nên về sau được nhiều triều vua phong tặng Bốn thổ Thành hoàng Quốc vương Đặc tấn Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Đô chỉ huy sứ Niêm Long hầu*”.⁶

Sự tích hợp, nâng cấp vị Khai canh trở thành Thành hoàng của làng trong trường hợp này, là cả một quá trình, và quá trình đó, phát xuất từ nhu cầu trực tiếp, chính đáng của cộng đồng cư dân làng xã. Ở mức độ cao nhất, sẽ được công nhận, khẳng định bởi hình thức ban cấp sắc phong từ triều đình phong kiến Nguyễn, nhất là vào thời Nguyễn mạt.

3. Hành trình xác lập một thần tích của làng xã vùng Huế

Trước tiên, cần chú ý đến thể ứng xử linh hoạt trong mối quan hệ tín ngưỡng của *Người - của Ta* của cư dân làng Việt miền Trung. Nhờ đó mà cộng đồng người Việt di cư trên vùng đất mới có thể xác lập cơ sở, hình thành nên hệ thống thần linh mang tính nền tảng của một thần điện làng xã thống nhất. Quá trình đó bắt đầu từ việc tiếp cận với những cái của *Người* và từ đó, dần dần biến thành cái của *Ta*, đồng thời nâng cái của *Ta* đặc thù lên thành chủ đạo.

Miền Trung là một dải đất hẹp nhưng có vị trí trọng yếu trong lịch sử văn hóa dân tộc, trong xu thế đi về phương Nam của người Việt. Ở đó, người Việt vùng châu thổ Bắc bộ với lớp áo Hán hóa sâu dày, từ cơ duyên của lịch sử, đã bước vào một vùng đềm miền Trung đầy lạ lẫm: “*Dải đất hẹp này hình như cứ xô ra biển, có vô số dòng sông rạch ngang dải đất này..., là xứ có nhiều bãi cát trắng và nhiều vách đá tầng bậc, đây là xứ sở của truyện cổ tích và vô số vị thần linh huyền bí...*”.⁷

⁶ Đỗ Bang, *Lịch sử Thanh Phước*, tr. 13.

⁷ Claeys, Jean Yves., “Hành trình vào sự nghiên cứu nước An-Nam và nước Chăm-pa”, trong *Những người bạn Cổ đô Huế (B.A.V.H)*, tập XXI (1934), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2007, tr. 9.

Bối cảnh đó dần buộc người Việt phải có thể ứng xử phù hợp trên cơ sở nhấn mạnh những yếu tố Việt, những yếu tố phi Việt⁹ và quá trình dung hòa giữa chúng. Sự tiếp xúc văn hóa giữa người Việt di cư từ miền Bắc và các cộng đồng tộc người bản địa tiền trú diễn ra suốt một quá trình lịch sử dài lâu, mà buổi đầu, người Việt vẫn còn là thiểu số. *Thủy thiên bản* cho thấy điều đó qua nỗi lo của ông Phạm Quán⁹. Chính thức thì năm 1499, nhà Lê còn ban hành chiếu chỉ cấm người Việt kết hôn với phụ nữ bản địa.¹⁰

Thời Trần, bà phi Nguyễn Thị Bích Châu tự nguyện hiến sinh để cầu mong cho đợt Nam chinh năm 1377 của vua Trần Duệ Tôn thắng lợi¹¹. Lê Lợi năm 1425 từng hiến tế bà vợ thứ ba (mẹ vua Lê Thái Tông) cho thần Phổ Hộ ở sông Lam¹². Đền Hà Lỗ ở sông Ô Lâu

⁸ Như các danh từ, và có khi cũng được dùng như là tính từ Lỗi, Hời, Thổ Rí và về sau là Bồn thổ, được nhấn mạnh từ cả hai phía Việt lẫn bản địa.

⁹ “Ở đây người Chiêm Thành đông, người mình ít, sợ sau này sinh hạ con cháu, người Sở kẻ Tề nhuốm theo phong tục họ... Cứ như chỗ ngài đang ở, người mình nhiều, người Chiêm Thành ít, ngày sau họ sẽ hóa theo ta, có nên thuần phong mỹ tục. Vậy ta xin được đến đây ở nhập với ông, ông có đồng ý không?” (Bùi Trành, *Thủy thiên bản*, lưu giữ tại Nhà thờ họ Bùi làng Cầu Nhi, Hải Lăng, Quảng Trị, bản dịch của Bùi Hoàng).

¹⁰ “Tháng 8, ngày 9 [Kỷ Mùi - 1499], có chiếu rằng: Kể từ nay, trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để cho phong tục được thuần hậu” (*Toàn thư*, bản dịch của Viện KHXHVN, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, III, tr.17). Trước đó, tháng 10 năm Giáp Dần (1374), có chiếu cấm quân dân không được mặc áo, chải đầu theo người phương Bắc và bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào (*Toàn thư*, II, tr. 158).

¹¹ Sự kiện này không thấy được đề cập đến trong *Toàn thư*, phần nói về Trần Duệ Tôn (*Toàn thư*, II, tr. 156-163). Xem thêm Nguyễn Thư Hiền, *Chế thắng Phu nhân*, Sở VH TT Hà Tĩnh xb, 2006.

¹² Sự kiện này cũng không thấy *Toàn thư* đề cập nhưng *Lam Sơn thực lục* lại nói rất rõ: “Tới thành cửa sông Hưng-Nguyên, chỗ ấy có đền thờ thần (tục gọi là thần Quã). Nhà-vua đêm chiêm bao thấy thần-nhân nói với Nhà-vua rằng: Xin một người vợ lẽ của Tướng-quân sẽ xin phủ-hộ Tướng-quân, đánh được giặc Ngô, để gây nên nghiệp Đế. Ngày mai Nhà-vua vời các vợ lẽ đến hỏi rằng: - Ai chịu làm vợ lẽ cho Thần? Ta được Thiên-hạ sẽ truyền cho con làm Thiên-tử! Khi ấy mẹ vua Thái-tông húy là Trần thị Ngọc Trần, quỳ xuống nói với Nhà-vua rằng: - Túc hạ giữ đúng lời giao-ước, thiếp xin chịu nhận việc ấy. Ngày sau chớ phụ con thiếp. Nhà-vua giao-ước với các quan văn, võ, y như lời ấy. Ngày 24 tháng ba, Nhà-vua giao Ngọc Trần cho thần Phổ Hộ bắt lấy, chết ngay trước mắt! Đến khi bình giặc Ngô, Nhà - vua lên ngôi, nói rằng: “Ta là chúa Bách Thần!”. Sai người động Nhân-trầm là Lê Cổ đem hài-cốt về đến xã Thịnh-mỹ. Chiều đến chưa kịp qua sông, ngủ ở nơi chợ! Một đêm mỗi đùn

vẫn tồn tại tục hiến tế người chưa xa theo ghi nhận của *Ô châu cận lục*¹³... Và đến thời chúa Nguyễn, có thể thấy câu chuyện tiếp diễn tương tự khi Tiên chúa Nguyễn Hoàng cũng được hai vị nữ thần có liên quan đến sông nước phò trợ, vào hai thời điểm lịch sử, giải quyết hai nhu cầu *quân tình* và *dân tình* mang đậm tính chiến lược cho sự tồn vong của việc định hình một chính thể mới: thần sông Ái Tử/Cô Gái Áo Xanh trở thành *Qua Qua Phu nhân* (năm 1570) và Bà Trời Áo Đỏ khai sinh ra chùa Thiên Mụ (năm 1601)¹⁴.

Thành hoàng là một vị thần tối thượng trong đời sống làng xã người Việt vùng châu thổ Bắc bộ, nhưng rõ ràng vẫn là một vị thần thổ địa đặc thù của mỗi một vùng đất cụ thể. Người Việt di cư vào Nam, chỉ có thể mang theo lưu ảnh qua danh xưng Thành hoàng. Trên một vùng đất đã từng có chủ với tín ngưỡng bản địa phổ biến dành cho các vị thần Xứ Sở, người Việt buộc phải hình thành nên một đối tượng thờ tự có tính phổ quát trong đời sống làng xã bằng cách tích hợp yếu tố địa lý trong Bà Mẹ Xứ Sở, chuyển hóa thành Bồn thổ/Bản cảnh/Bản xã với yếu tố danh xưng Thành hoàng của làng Việt, trở thành một vị thần Bồn thổ Thành hoàng phổ biến ở mọi làng xã nhưng đầy tính phiếm xưng, bởi không dễ gì phác họa nên được diện mạo, hay tính chất của thần. Nhận định của Nguyễn Từ Chi về tính chất lỏng lẻo, thiếu rõ ràng của các vị thần trong làng Việt miền Trung đặc biệt đúng trong trường hợp vị Bồn thổ Thành hoàng¹⁵.

thành đồng đất, lập lên huyết thành mộ. Sứ-giã thấy điềm lạ về tâu. Nhà - vua nói: - Thần-nhân đã y lời hẹn! Liền truyền ở lại nơi ấy, lập điện Hiến-nhân để phụng thờ. Ấy là đức Cung-tử Hoàng Thái Hậu (*Lam Sơn thực lục*, Bản dịch Bảo Thần, Nxb. Tân Việt, in lần thứ ba, 1956, tr. 14).

¹³ Vô danh thị, *Ô châu cận lục*, 1961, tr. 76

¹⁴ - Trần Đình Hằng, "Từ Cô Gái Áo Xanh ở Ái Tử (Quảng Trị) đến Bà Trời Áo Đỏ ở Thiên Mụ (Huế): Sinh lộ tự tường của vùng đất mới Nam Hà", Kỷ yếu HTKH *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Thanh Hoá, 18-19/10/2008. Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 524-532. *Xưa Nay*, số tháng 10/2008.

- Trần Đình Hằng, "Tiếp xúc văn hoá Việt - Champa ở miền Trung: nhìn từ làng xã vùng Huế", *Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần III*, H, 4-7/12/2008.

¹⁵- Nguyễn Từ Chi, "Từ *Theng Wang* Mường, thắc mắc về thành hoàng Việt", trong *Góp phần nghiên cứu văn hoá & tộc người*, Nxb. VHDT & T/c VHNT, Hà Nội, 2003, tr. 171-183.

- Trần Từ, *Người Mường ở Hoà Bình*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam Xb, Hà Nội, 1996.

Những vị thần Việt có nguồn gốc từ hành trang mang theo từ cố hương đất Bắc và khẳng định, tôn vinh những nhân vật có công trong lịch sử lập làng, điển hình là các vị Khai canh Khai khẩn.

Thành hoàng làng Việt, khi đến miền Trung, đã không còn đầy đủ vóc dáng, quyền uy như ở cố hương mà thuần túy chỉ giữ lại danh xưng và hoàn toàn mơ hồ, hoàn toàn không rõ ràng. Qua thời gian, tương tự như ở vùng châu thổ Bắc bộ, việc đáp ứng nhu cầu tâm linh/an dân của cộng đồng làng xã và nhà nước trên con đường củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền mạnh, đến lượt mình, triều Nguyễn lại áp dụng quá trình lịch sử hóa, cụ thể hóa các đối tượng thờ tự. Minh họa rõ nét cho quá trình này chính là sự bổ sung, nâng cấp các vị nhân thần, từ các vị Khai canh trở thành Thành hoàng.

Quá trình xây dựng vùng đất mới, trên những địa vực cụ thể vốn bị cắt xẻ mạnh, thường gắn liền công lao khai phá của các dòng họ. Công lao Khai canh Khai khẩn đặc biệt được thể hiện rõ ràng, cụ thể, hoàn toàn khác hẳn với tính chất phiếm xưng của vị Thành hoàng.

Đến cuối thời Nguyễn, thần điện làng xã đã có sự thay đổi đáng kể bởi sự xuất hiện của một dạng nhân thần phát xuất từ vai trò thủy tổ của các dòng họ khai canh, thậm chí một số trường hợp còn được tích hợp, đẩy lên trở thành Thành hoàng làng, chính thức có sắc phong.

Từ những thông tin có được, bước đầu, chúng tôi nhận thấy hầu hết sắc phong Khai canh Khai khẩn ở Thừa Thiên - Huế còn lại đến nay được ban cấp bởi các vị vua thời Nguyễn mạt, nhất là từ thời Đồng Khánh cho đến Khải Định, Bảo Đại. Điều đó cho thấy quá trình cụ thể hoá các đối tượng thờ cúng của làng xã vùng Huế, có thể từ rất sớm trong thực hành tín ngưỡng của cộng đồng làng xã, nhưng phải đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX mới chính thức được nhà nước thừa nhận chính thức qua sắc phong.

Vai trò khai canh từ Diên Cát (Quảng Trị) vào đến Thanh Phước (Thừa Thiên Huế) của các vị thủy tổ dòng họ Phan còn đặc biệt được ghi nhận qua bản *Đại tông Phan tộc cấp bằng*¹⁶:

¹⁶ Có từ thế kỷ XV, hay XVI, sao lục năm Minh mạng 21-1840.

Ngài thủy tổ Phan Niêm, người xã Hoàng Phúc, từng giúp rập vua Lê Thánh Tông làm chức Cẩm Y Vệ tuần kiểm sứ. Ngày hai mươi mấy không rõ, tháng 2 Hồng Đức 3 (1742), vua ban chiếu thư cho các quân hội họp tại Lam Sơn rằng: trăm thân chinh, hãy tập trung tại thôn Chùa Chử, xã Hà Tây, huyện Hải Hoa, phủ Kỳ Hoa, xứ Nghệ An đợi lệnh, rồi cùng xuất phát các dinh thủy bộ đi đánh nước Chiêm Thành, đuổi tan lũ giặc. Người xã Hoàng Phúc là Phan Niêm và các con Phan Đường, Phan Lãng cùng các tướng phò xe loan đi đánh, chém được hơn nghìn đầu giặc và thu được vô vàn khí giới, cờ xí. Tiếp đó, dâng sổ ghi công, được phong Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Đô chỉ huy Tuần kiểm sứ Niêm Long hầu, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Đô chỉ huy thuộc lại sứ Đường Long hầu, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ Đô chỉ huy sứ Kinh lược sứ Lãng Triệt hầu, coi sóc các phủ huyện, định bản đồ các huyện Kim Hoa, Tư Vinh, Hải Lăng, Vũ Xương, Thăng Hoa, Điện Bàn, Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh, Bồ Chính thuộc xứ Thuận Hóa, để nhân dân yên ổn làm ăn. Cha con Phan Niêm được chọn xứ Côn Cát, xã Trà Tri Hạ, huyện Lợi Điều gồm đất hoang, gò nông, rừng bụi, cày cấy thành thực. Ngày mùng 10 tháng 3 năm Hồng Đức 3 (17/4/1472), quan Đông Các Đại học sĩ Nguyễn Đức Mậu và Tri phủ Dương Văn Thông chứng kiến việc đo đạc giới hạn bốn mặt, lập thành xã Diên Cát, huyện Vũ Xương, cày cấy chia làm ba bậc nhất, nhì, ba, ghi vào sổ, nạp thuế tại ty Lệnh Sử. Đến ngày mùng 5 tháng 4 nhuận năm Hồng Đức 4. Ông Niêm và con thứ hai Kinh lược sứ Phan Lãng cùng đến vùng gò nông xứ Ô Thủy, huyện Kim Hoa, khai khẩn thành thực, lập riêng xã thôn, đo đạc giới hạn bốn mặt, chiếm lập xã Hoàng Phúc, huyện Kim Hoa...¹⁷

Trường hợp ba vị Khai canh dòng họ Trần Đức ở làng Phò Trạch (Phong Bình, Phong Điền) cho thấy rõ điều đó. Sắc phong sớm nhất (15/2/Thành Thái XIV - 1902) ban cho ngài Trần Cơ chỉ đề cập đến “*phụng sự Thanh Ba trấn trấn thủ bốn thổ Trần Cơ chi thần nhằm trừ linh ứng, hướng lai vị hữu dự phong, ... trước phong vi Dục Bảo Trung hưng linh phò chi thần*”. Mười một năm sau

¹⁷ Lê Văn Thuyên, Lê Nguyễn Lưu, Huỳnh Đình Kết, *Văn bản Hán Nôm làng xã vùng Huế*, Huế: Nxb. Thuận Hoá, 2008, tr. 352-354.

(8/7/Duy Tân VII-1913), làng mới được sắc phong thêm hai vị Tiên Khai canh, nhưng không có ngài Trần Cơ mà chỉ có ngài Trần Bì và ngài Trần Cao. Và cũng phải mười một năm sau (25/7/Khai Định IX-1924), mới có đợt sắc phong cho cả ba ngài Trần Cơ, Trần Cao và Trần Bì, tặng *Dực Bảo Trung Hưng linh phò Tiên Khai canh*, gia tặng *Đoan Túc tôn thần*.

Làng An Lỗ (Phong Hiền, Phong Điền) hiện bảo lưu sắc phong sớm nhất thời Duy Tân cho ngài họ Đỗ “*Phụng tự Khai Canh Đổ Đại lang chi thần, năm trừ linh ứng, hướng lai vị hữu sắc phong, trừ phong Dực Bảo Trung hưng linh phò chi thần*” (8/10/Duy Tân 7 - 5/11/1913). Hai ngài họ Thân, Nguyễn có hai sắc phong đồng thời (18/3/Khai Định 2 - 8/5/1917), tương tự nhau: “*Phụng tự Khai canh Thân/Đổ Đại lang chi thần, năm trừ linh ứng, hướng lai vị hữu sắc phong, trừ phong Dực Bảo Trung hưng linh phò chi thần*”.

Đỉnh cao của quá trình nâng cấp tín ngưỡng Khai canh Khai khẩn là sự tôn xưng, tích hợp trở thành Thành hoàng, làm cho diện mạo Thành hoàng vốn đậm tính phiếm xưng, bắt đầu hiện diện rõ nét bởi một số nhân thần có hành trạng rõ ràng, quan trọng. Làng Hải Cát vốn thờ một vị *Thành hoàng Bốn cảnh* phiếm xưng như bao làng xã khác¹⁸ nhưng đến thời Đồng Khánh, một khi triều đình cổ súy cho tín ngưỡng thờ Mẫu, làng xã đã có sự chuyển hóa, công nhận trở lại Thánh Mẫu Thiên Y A Na trở thành Thành hoàng của làng.¹⁹

¹⁸ Sắc phong năm Thành Thái thứ II (1890): *Sắc Thừa Thiên phủ, Hương Trà huyện, Hải Cát xã, phụng tự Bốn Thổ Thành Hoàng Chi thần, năm trừ linh ứng. Hướng lai vị hữu dự phong. Từ kim phi thừa canh mệnh, miễn niệm thần hưu trước phong vị Dực Bảo Trung Hưng linh phò chi thần. Chuẩn y cựu phụng tự thần kỳ tương hựu bảo ngã lệ dân* (Tư liệu điện Hòn Chén, Lê Đình Hùng d.).

¹⁹ “Người ta rước một cách thật long trọng nữ thần Thiên Y A Na cùng những vật dụng của thần về đến đình Hải Cát, vùng đất mà thần được coi là thần hoàng làng”, bởi “Theo truyền thuyết, Thiên Y A Na là Thành hoàng làng Hải Cát. Tuy nhiên, thần lại muốn có một ngôi đền lớn trên núi Ngọc Trần, thuộc phạm vi của làng. Bà đã rời đình làng Hải Cát và chỉ về đó mỗi năm một lần, vào mùa thu, để nhận lễ của con dân được bà bảo trợ (Trần Văn Toàn, “Le temple Huệ Nam à Huế: étude précédée d’une note sur la Sainte religion de l’Immortelle Céleste (Thiên Tiên Thánh Giáo) dans la région de Huế”, *B.S.E.I.*: XLIV: N° 3-4 (1969), tr. 243 - 262).

Ở làng La Chữ (Hương Trà), cả vị Thành hoàng và Khai canh đều có tước vị giống nhau - *Hà Quý công*, hay *Hà Đại lang tôn thần*. Chúng tôi càng tin chắc rằng Thành hoàng La Chữ là nhân thần từ vị Khai canh họ Hà khi mà chúc văn cũng như dân gian truyền tụng xưa nay, cả hai ông đều được giỗ chung một ngày. Dạng thức này cũng được thấy ở Thuận An (Phú Vang) với ngài Trương Quý công (Trương Thiệu); Ngô Quý công (Ngô Thù) ở làng Phù Bài (Hương Thủy), Đặng Quốc công (Đặng Tất) ở các làng Tiên Nộn, Thanh Tiên (Phú Vang)...

Đặc biệt, ở làng Thế Lại Thượng (Huế) còn có một ngôi miếu Thành hoàng và cũng là miếu Khai canh, thờ ngài Hồ Đại tướng quân với bài vị ghi là *Bản xã Đương cảnh Thành hoàng Vũ Duệ Hồ Đại tướng quân tôn thần*. Thực ra, đây cũng chỉ là vị Thành hoàng thứ hai của làng, chỉ mới xuất hiện từ năm Thành Thái thứ ba, nếu căn cứ vào sắc phong *Đương Cảnh Thành hoàng Võ Duệ Hồ Đại Tướng chi thần*, trừ phong vì *Dực Bảo Trung Hưng linh phù chi thần*, bởi trước đó, làng chỉ thờ *Bảo An Chính Trực Hựu Thiện Đôn Ngưng Thành hoàng chi thần* (sắc phong năm Tự Đức thứ 30), đến năm Đồng Khánh thứ 2 mới gia tặng *Dực Bảo Trung Hưng chi thần*.

Tương tự là trường hợp làng Dương Xuân, vốn thờ Dương Xuân Thành Hoàng Chi Thần (sắc phong năm Minh Mạng 7) cùng hai vị Khai canh Lê, Nguyễn Đại lang (sắc phong năm Khải Định 2), nhưng đến năm Khải Định 9, lại có sắc phong *Bảo An Chính Trực Hựu Thiện Đôn Ngưng Dực Bảo Trung Hưng Bôn Thỏ Thành Hoàng Ngô Đại Tướng Quân Tôn Thần*, gia tặng Quang Ý Trung Đẳng Thần²⁰.

Mở rộng địa bàn khảo sát, càng có thêm nhiều trường hợp minh họa rõ nét: Lạng Động hầu ở làng Lê Sơn (Quảng Bình), hay Thành hoàng làng Đại Hào (Quảng Trị) chính là ngài Khai canh Thông Lộc hầu, một vị tướng Lê triều Nam chinh, bỏ mình trên lưng ngựa. Đây là một mô típ khá phổ biến đối với các vị khai canh khai khẩn có nguồn gốc binh nghiệp ở làng xã miền Trung: chết trên mình ngựa

²⁰ Tư liệu sưu tầm của Lê Văn Thi, Khoa Ngữ Văn Trường Đại học Khoa học Huế.

do trọng thương, hoặc bị chém gần đứt đầu, gập đũa trẻ chần trâu, hay người phụ nữ hái rau muống..., mới chịu ngã ngựa. Đó là các trường hợp Ngài Lê Đại Lang tôn thần - Khai canh làng Như Lệ (Hải Lăng, Quảng Trị); Đặng Quốc công (Đặng Tất) - Thành hoàng làng Thế Vinh (Phú Vang, Thừa Thiên Huế)... Do vậy mà làng mộ cũng như truyền tích của Thành hoàng xưa nay được lưu dấu rất rõ nét, đặc biệt là thông qua sắc phong, văn tế.

4. Thay lời kết luận

Từ thái độ “kính nhi viễn chi”, cư dân làng xã nhanh chóng tiếp cận “kính như tại” đối với những vị thần vốn xa lạ với đời sống văn hóa Việt, để từng bước “Việt hóa” một cách hợp lý; đồng thời, cũng dần khẳng định và nâng cao những vị thần gốc Việt, mang đậm bản sắc đặc trưng của vùng đất miền Trung. Đó chính là tín ngưỡng Khai canh Khai khẩn/Tiền hiền Hậu hiền. Thậm chí đến cuối thời Nguyễn, diện mạo mơ hồ, đầy tính phiếm xung của Bản thổ Thành hoàng đã bắt đầu có sự thay thế dần một cách rõ nét bởi chính các vị nhân thần Khai canh được nâng cấp trở thành Thành hoàng.

Trong diễn trình ấy, sự điền thế, bổ sung theo lối lấp đầy hình ảnh đậm tính phiếm xung của vị Bản thổ Thành hoàng bởi ngài Khai canh Niêm Long hầu Phan Niêm của làng Thanh Phước là một dấu ấn Việt đậm nét, đặc biệt quan trọng trong đời sống văn hóa làng xã vùng Huế. Vị trí và nghi lễ có liên quan đến vị thần - tín ngưỡng Khai canh trở thành vấn đề then chốt trong việc nghiên cứu đời sống văn hóa làng xã miền Trung nói chung và ở vùng Huế nói riêng... lại được tác động cộng hưởng bởi dấu ấn tín ngưỡng Thành hoàng mang ảnh hưởng đồng thời từ cội nguồn đất Bắc lẫn những yếu tố Bản thổ phi Việt (như hình ảnh của Thiên Y A Na, của Bà Thạch), càng làm cho hình ảnh Ngài Khai canh Niêm Long hầu thêm rõ nét.